

Số: 5771/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng
Cụm công nghiệp Châu Thành, huyện Châu Thành,
tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Cụm công nghiệp Châu Thành;

Căn cứ Công văn số 3748/UBND-CNXD ngày 28/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán khảo sát đo đạc lập bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ 1/500;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 01/PKT&HT-TĐ ngày 28/7/2017 về việc báo cáo kết quả thẩm định và trình phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ 1/500,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ 1/500 với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ 1/500.

2. Vị trí và diện tích lập quy hoạch:

- Vị trí: Khu đất lập quy hoạch thuộc xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, có ranh giới hạn được xác định như sau:

- + Phía Đông giáp đất ruộng.
- + Phía Tây giáp đất vườn, ruộng
- + Phía Nam giáp kênh thủy lợi và cách 260m là Quốc lộ 60.
- + Phía Bắc giáp rạch Ô Chát và ruộng lúa.

- Diện tích quy hoạch: Khu đất quy hoạch có quy mô diện tích là 46,102ha.

3. Mục tiêu đầu tư:

Tạo quỹ đất có hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ để thu hút đầu tư phát triển các nhà máy sản xuất công nghiệp, nhằm phát huy hiệu quả diện tích đất đã được quy hoạch và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp, nâng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, tạo điều kiện cho việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Di dời các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường trong nội ô thành phố Trà Vinh.

4. Tính chất:

Là cụm công nghiệp đa ngành. Chủ yếu là công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, may mặc, đồ da, cơ khí, hàng tiêu dùng và ngành nghề khác.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản:

- Các chỉ tiêu sử dụng đất:

St t	Loại đất	Mật độ xây dựng	Tầng cao xây dựng	Tỷ lệ (%)	Diện tích (M2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà máy sản xuất	45-60%	≤31m	≥ 55	290.044,00	62,92
2	Đất khu hành chính - dịch vụ	30-40%	≤ 5 tầng	> 1	4.976,00	1,08
3	Đất cây xanh			≥ 10	83.915,61	18,20
4	Đất hạ tầng kỹ thuật			≥ 1	17.613,00	3,82
5	Đất giao thông			≥ 8	64.471,39	13,98
	Tổng diện tích				461.020,00	100,00

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm: 200kW/ha

+ Công nghiệp giấy da, may mặc: 160kW/ha

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Khu công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm: Tiêu chuẩn 45m³/ha/ngày đêm.

+ Khu công nghiệp khác: tiêu chuẩn 22 m³/ha/ngày đêm.

- Chỉ tiêu thoát nước:

Thoát được toàn bộ lượng nước cấp, tương đương theo tính toán khoảng 1.600m³/ngày đêm.

- Chỉ tiêu thông tin liên lạc: khoảng gần 100 thuê bao.

- Rác thải: 150- 390 kg/ha/ngày đêm.

- Các chỉ tiêu kỹ thuật:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Các chỉ tiêu
1	Chiều cao xây dựng công trình trên mặt đất	m	<= 31
2	Mật độ xây dựng tối đa	%	45÷60
3	Cao độ san lấp	m	Theo quy định
4	Cao độ đỉnh đường	m	Theo quy định
5	Cao độ nền tầng trệt công trình	m	Cao hơn mặt sân hoàn thiện ít nhất 30cm

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đồ án quy hoạch

STT	Ký hiệu lô đất	Loại đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng	Chiều cao công trình	Khoảng lùi xây dựng
1	A	Đất nhà máy sản xuất	290,044.00	45-60%		
1.1	A1, A2, A3, A4	Khu vực chế biến lương thực, thực phẩm	115,345.00	45-60%	≤31m	10m
1.2	B1, B2, B3, B4, B5, B6	Khu vực may mặc, đồ da và ngành nghề khác	118,417.00	45-60%	≤31m	10m
1.3	C1, C2	Khu vực công nghiệp hỗ trợ	56,282.00	45-60%	≤31m	10m
2	CC	Đất khu hành chính - dịch vụ	4,976.00	<40%	1-5 tầng	10m
3	CXCL	Đất cây xanh cách ly	83,915.61			
4	HTKT	Đất hạ tầng kỹ thuật	17,613.00			
4.1	CN	Đất cấp nước, thoát nước	6,225.00	<40%		
4.2	XLNT	Đất khu xử lý nước thải	11,388.00	<40%		
5	GT	Đất giao thông	64,471.39			
		TỔNG DIỆN TÍCH	461,020.00			

6. Cơ cấu sử dụng đất: Diện tích khu quy hoạch: 46,102 ha được phân khu chức năng các loại đất như sau:

6.1. Khu đất xây dựng nhà máy:

Khu xây dựng các nhà máy có tổng diện tích 290.044 m², chiếm 62,92%. Được phân thành 3 khu được phân bổ theo loại ngành và ưu tiên bố trí các ngành nghề không gây độc hại ở đầu hướng gió và tiếp cận mặt tiền khu quy hoạch, các ngành khác bố trí ở cuối hướng gió.

Khu 1: Diện tích khoảng 115.345 m²

Khu 2: Diện tích khoảng 118.417 m²

Khu 3: Diện tích khoảng 56.282 m²

6.2. Khu trung tâm hành chính - dịch vụ:

Khu trung tâm hành chính dịch vụ có diện tích 4.976 m², chiếm 1,08% nằm ở khu vực công chính phía Đông cụm công nghiệp, các công trình trong đó bao gồm văn phòng điều hành, cơ quan quản lý cụm công nghiệp, nơi trưng bày các sản phẩm, trạm y tế, cứu hoả, đại diện hải quan, căng tin, cửa hàng, tổng đài điện thoại, bãi xe, vườn cảnh.v.v...

Các công trình trong khu trung tâm điều hành được bố trí xây dựng tập chung thành một tổng thể không gian quy hoạch - kiến trúc thống nhất tạo bộ mặt trung tâm cho cụm công nghiệp.

6.3. Khu cây xanh và cây xanh cách ly:

Đất cây xanh cách ly có tổng diện tích 83.915,61m², chiếm 18,20 % đảm bảo tỷ lệ cây xanh và cây xanh cách ly của Cụm công nghiệp so với khu lân cận. Ngoài ra, hệ thống cây xanh thảm cỏ trên các tuyến đường, trong các khu vực nhà máy, kho bãi, trung tâm điều hành, trạm xử lý nước thải cũng đóng góp vào hệ thống cây xanh của cụm công nghiệp nhưng không tính vào tỷ lệ diện tích đất cây xanh trong cơ cấu sử dụng đất.

6.4. Đất hạ tầng kỹ thuật:

Đất hạ tầng kỹ thuật có tổng diện tích 17.613m², gồm: Đất cho trạm cấp nước, đất khu xử lý nước thải, hệ thống cấp thoát nước, trạm điện, cáp ngầm...

6.5. Đất giao thông:

Đất giao thông có tổng diện tích 64.471,39 m², chiếm 13,98%.

Bảng cân bằng đất đai Cụm công nghiệp

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)	TIÊU CHUẨN
1	Đất nhà máy sản xuất	290.044,00	62,92	≥ 55
1.1	Khu vực chế biến lương thực, thực phẩm	115.345,00	25,02	

1.2	Khu vực may mặc, đồ da và ngành nghề khác	118.417,00	25,69	
1.3	Khu vực công nghiệp hỗ trợ	56.282,00	12,21	
2	Đất khu điều hành công cộng	4.976,00	1,08	≥ 1
3	Đất cây xanh cách ly	83.915,61	18,20	≥ 10
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	17.613,00	3,82	≥ 1
4.1	Đất cấp nước, thoát nước	6.225,00	1,35	
4.2	Đất khu xử lý nước thải	11.388,00	2,47	
5	Đất giao thông	64.471,39	13,98	≥ 8
	TỔNG DIỆN TÍCH	461.020,00	100,00	

7. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

7.1. Nguyên tắc tổ chức không gian:

Trục cây xanh cảnh quan của cụm công nghiệp sẽ gồm 2 trục:

+ Trục cây xanh cảnh quan thứ 1 từ Quốc lộ 60 vào Cụm công nghiệp, đây là khu vực tạo không gian cảnh quan cho toàn bộ cụm công nghiệp, có thể khai thác các dịch vụ quảng cáo, quảng bá hình ảnh cho cụm công nghiệp.

+ Trục cây xanh cảnh quan thứ 2 nằm trước các nhà máy, xí nghiệp, công ty là 2 đường CN-02, đây là không gian mở bên trong cho toàn cụm công nghiệp.

Khu vực công chính được tạo không gian mở, thoáng. Khu trung tâm điều hành được tổ chức tạo bộ mặt kiến trúc hiện đại cho Cụm công nghiệp và hài hoà đối với khu vực xung quanh.

Các nhà máy xây dựng trong cụm công nghiệp có công nghệ sạch và tiên tiến, công trình có khối lớn tạo ra không gian kiến trúc đa dạng, hiện đại trong cụm công nghiệp.

7.2. Cơ cấu phân khu chức năng:

Trên tổng diện tích đất quy hoạch, phân chia các khu chức năng: Khu nhà máy sản xuất, khu hành chính dịch vụ, khu cây xanh; khu hạ tầng kỹ thuật; đường giao thông.

- Từ Quốc lộ 60 bố trí 1 đường CN-01 vào Cụm công nghiệp.

- Từ cổng Cụm công nghiệp tổ chức 1 đường nối suốt Cụm công nghiệp đường CN-02, trục giao thông CN-04 chia Cụm công nghiệp thành các khu chức năng khác nhau.

- Khu nhà máy xí nghiệp sản xuất: Ưu tiên tiếp xúc trục giao thông chính.

- Khu trung tâm điều hành, dịch vụ: Bố trí gần cổng vào cụm công nghiệp với đường này CN-02, gần cổng vào để dễ liên hệ, tiếp cận và đối ngoại.

- Khu hạ tầng kỹ thuật nước: Bố trí phía bên phải trục đường CN-02, gần cống vào cụm công nghiệp.

- Cây xanh: Bố trí dọc theo các trục đường và xung quanh khu đất cận các hàng rào cụm công nghiệp tạo cảnh quan môi trường, và cách ly với khu vực lân cận.

8. Giải pháp hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Hệ thống giao thông:

* Quy mô xây dựng công trình:

- Cấp đường: Đường nội bộ.

- Dốc ngang mặt đường xe chạy: 2%.

- Vận tốc thiết kế: 40km/h.

- Loại mặt đường: Cấp cao A2 (bê tông nhựa chặt 12.5).

- Tải trọng tính toán tiêu chuẩn: P=120KN

- Cao độ thiết kế mặt đường tại chân gờ bó vỉa: +2.80

* Các giải pháp thiết kế:

- Phần nền đường 17m:

+ Thiết kế bình đồ: Tuyến đường được thiết kế chủ yếu theo bản vẽ quy hoạch.

+ Thiết kế trắc dọc: Độ dốc dọc thiết kế: 0%

+ Thiết kế trắc ngang: Rộng nền đường 17m có mặt cắt ngang (4+9+4)m.

+ Rộng mặt đường: 9m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%

+ Rộng vỉa hè: 2x4m

+ Độ dốc vỉa hè 1%

- Phần nền đường 32m:

+ Thiết kế bình đồ: Tuyến đường được thiết kế chủ yếu theo bản vẽ quy hoạch.

+ Thiết kế trắc dọc: Độ dốc dọc thiết kế: 0%

+ Thiết kế trắc ngang: Rộng nền đường 32m có mặt cắt ngang (6+9+2+9+6)m

+ Rộng mặt đường: 18m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%

+ Rộng vỉa hè: 2x6m

+ Độ dốc vỉa hè: 1%

Bảng thống kê đường giao thông

Tên đường	Ký hiệu mặt cắt	Mặt cắt				Chiều dài (m)	Diện tích (m ²)
		Via hè trái (m)	Lòng đường (m)	Via hè phải (m)	Dãy phân cách (m)		
Đường CN-01: 32m	1-1	6	2x9	6	2	441,80	14.074,75
Đường CN-02, 03, 04, 05, 06, 07: 17m	2-2	4	9	4	0	2.979,04	50.396,64
Cộng							64.471,39
2 Công hộp BTCT: 1,6m x 1,6m						45	

- Công ngang đường: Đường dẫn CN-01 phải đi qua rạch Ô Chích 1, nên quy hoạch 1 công hộp đôi BTCT đúc sẵn M300, 2 công 1,6m nhằm thông nước cho rạch này.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) Về cao độ nền:

- Cao độ san lấp xây dựng lấy theo Hệ cao độ Quốc gia Hòn Dấu. Cốt san lấp trung bình: $Hsl = +2,3m$.

- Cao độ xây dựng nền tầng trệt công trình, nhà xưởng: $Hxd = Hsl + 0,5m$.

- Chiều cao san lấp trung bình: $Hsltb = 1,7m$.

- Hsl: Cao độ san lấp.

- Hxd: Cao độ xây dựng hoàn thiện nền nhà xưởng.

- Hsltb: Chiều cao san lấp trung bình.

b) Về thoát nước mặt:

- Nước thải nhà máy và nước sinh hoạt sẽ được xử lý tập trung tại nhà máy xử lý nước thải của doanh nghiệp đạt chuẩn và được thu gom vào trạm xử lý tập trung của khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn loại A, sau đó mới xả thải vào hệ thống cống thoát ra rạch Ô Chích 2.

- Nước mưa tự chảy sẽ được thu gom vào hệ thống mương hở và được thải ra tại rạch Ô Chích 2.

8.3 Cấp nước:

a) Tổng nhu cầu dùng nước: Để mạng lưới phân phối nước vận hành bảo đảm an toàn phải thiết kế mạng lưới với công suất là $Q_{ml} = 1.600 \text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$.

b) Nguồn nước: Nguồn nước cấp phát vào mạng lưới ống phân phối trước tiên sẽ được lấy từ hệ thống cấp nước chung của thành phố Trà Vinh (Công ty TNHH MTV cấp nước Trà Vinh) cách khu vực dự án khoảng 3km đầu nối tại điểm đầu đường dẫn vào dự án giao với Quốc Lộ 60. Hoặc nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước tập trung của xã Lương Hòa sẽ được đầu tư xây dựng trong thời gian tới. Tuyến ống từ nguồn đến điểm đầu dự án kiến nghị sẽ do phía Công ty TNHH MTV cấp nước Trà Vinh đầu tư. Trong trường hợp áp lực nước tại điểm đầu nguồn không đảm bảo đủ cấp cho nhu cầu thì sau này sẽ xây dựng thêm bể chứa và trạm bơm tăng áp trong khu vực dự trữ đất cho trạm xử lý nước của dự án.

c) Giải pháp cấp nước:

- Tuyến ống phân phối nằm trên vỉa hè dọc theo các trục đường khu công nghiệp. Tuyến ống được thiết kế nhằm phân phối nước cho nhu cầu sản xuất, nhu cầu tưới cây, tưới đường, chữa cháy của các nhà máy, xí nghiệp dọc theo tuyến.

- Hệ thống đường ống cấp nước được thiết kế kết hợp vừa cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt,... vừa cấp nước cho phòng cháy chữa cháy.

- Chọn loại ống được chọn thiết kế lắp đặt là ống D100, D150 và D200 PVC, phụ tùng đi kèm bằng vật liệu PVC, gang, thép...

- Độ sâu đặt ống tính từ đỉnh ống đến cốt vỉa hè hoàn thiện là 1m, có đệm cát nền bên dưới và trên đỉnh ống 0,1m tính từ thành ngoài ống. Độ dốc đặt ống $i = 0.00\%$.

d) Hệ thống cấp nước chữa cháy: Bố trí các trụ chữa cháy trên các tuyến ống cấp nước. Khoảng cách tối đa giữa hai trụ là 150m.

8.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Lưu lượng thoát nước thải tính toán bằng lượng nước hoạt động của các nhà máy $1.600 \text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$.

- Hình thức thoát nước tự chảy: Nước thải từ các doanh nghiệp đã được xử lý đạt loại B, sau đó được thu gom vào trạm xử lý tập trung của khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn loại A sẽ được xả thải ra Rạch Ô Chích 2.

8.5. Cấp điện và chiếu sáng:

* Cấp điện:

- Tại khu vực quy hoạch hiện có mạng lưới điện trung thế 3P-22KV từ mạng lưới quốc gia nằm dọc theo rạch Ô Chích, đáp ứng nhu cầu cấp điện cho Cụm công nghiệp.

- Tuyến trung thế được thiết kế đi trên không, sử dụng cáp PVC/XLPE/PVC $3 \times 50 \text{ mm}^2$ cấp điện áp 24kV đi trên không. Tuyến dự kiến đầu nối tại trụ hiện hữu số 479 TV 180 nằm trên Quốc lộ 60. Đảm bảo hành lang an toàn tuyến và tuân thủ các quy chuẩn ngành.

- Chiều dài tuyến trung áp trên không xây mới: 920m.

- Trạm biến áp xây mới: 2 trạm 3P-630 kVA-15 (22)/0,4kV

- Tuyến hạ áp:

+ Tủ tủ điện PP-T1 và PP-T2 hạ áp của 02 trạm biến áp T1 và T2 có dung lượng mỗi trạm 630 kVA phân phối toàn tải của công trình, tuyến hạ áp đi ngầm bằng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC (các đặc điểm kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn IEC) cáp luồn trong ống xoắn gân HDPE chịu lực cáp đến tủ phân phối thứ cấp trong khu vực công trình. Trong quá trình thiết kế và thi công phải tuân thủ theo quy chuẩn ngành và khoảng cách an toàn tối thiểu giữa các đường ống kỹ thuật.

+ Chiều dài tuyến hạ áp ngầm xây mới: 1.930m.

* Chiều sáng:

- Lưới điện chiếu sáng phải đảm bảo mỹ quan và phải đạt độ rọi theo tiêu chuẩn.

- Chiều dài tuyến chiếu sáng xây mới: 3.350m

8.6. Thông tin liên lạc:

- Nhu cầu thuê bao khoảng: gần 100 thuê bao.

- Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch là hệ thống ngầm và được đấu nối vào mạng viễn thông từ Bưu điện trung tâm của huyện Châu Thành.

9. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch Cụm công nghiệp sẽ tác động đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội, cụ thể là giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công và trong giai đoạn vận hành; do đó, cần đề ra biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình tổ chức thực hiện.

9.1. Biện pháp giảm thiểu các tác động xấu:

- Giảm thiểu tác động trong giai đoạn chuẩn bị:

+ Giảm thiểu tác động trong công tác đền bù, di dời, giải tỏa.

+ Giải pháp trong quy hoạch, thiết kế công trình: bao gồm Thiết kế và xây dựng hệ thống cấp, thoát nước; Thiết kế và xây dựng hệ thống cung cấp điện; Thiết kế và xây dựng hệ thống giao thông; Thiết kế và xây dựng công viên, trồng cây xanh thảm cỏ; Thiết kế và lắp đặt hệ thống PCCC; Thiết kế liên quan đến BVMT và phòng chống sự cố khác.

+ Giảm thiểu chất thải từ quá trình phát quang và giải phóng mặt bằng.

- Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công xây dựng:

Thực hiện các Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí/bụi; Biện pháp giảm thiểu nước thải; tiếng ồn từ các dự án và các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội như tình trạng ngập úng, bồi lắng của các kênh rạch hiện hữu, an toàn lao động, nước canh tác, bom mìn và phòng cháy chữa cháy,...

- Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn hoạt động của cụm công nghiệp:

Phân bổ, xây dựng các nhà máy, xí nghiệp tuân thủ theo phân khu chức năng trong đồ án quy hoạch; không bố trí các nhà máy gây ô nhiễm môi trường.

9.2. Biện pháp giảm thiểu đối với sự cố môi trường:

Có biện pháp phòng chống cháy nổ; An toàn lao động; xử lý sự cố với trạm xử lý nước thải; Phòng chống rò rỉ nguyên, nhiên liệu.

10. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện:

- Hạng mục ưu tiên đầu tư:

+ San lấp mặt bằng.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp bao gồm: giao thông, cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, nhà máy xử lý nước thải.

- Nguồn lực thực hiện: Vốn Trung Ương, ngân sách tỉnh, địa phương, vốn vay, huy động từ Doanh nghiệp, và các nguồn vốn phù hợp khác.

Điều 2. Giao Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Thành phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ 1/500 để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân biết, thực hiện và giám sát việc triển khai thực hiện; cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa khi quy hoạch được công bố.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Đồ án quy hoạch và lập Quy chế quản lý xây dựng theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và PTNT; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện có liên quan; Chủ đầu tư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, TN&MT;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- LĐVP, NCKT, NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng